

# **Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019



# **Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

# Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 42



# Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") tiền thân là Nhà máy Chế tạo Điện cơ được thành lập ngày 15 tháng 1 năm 1961. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 7 năm 2009. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 ngày 11 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại bao gồm thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; cho thuê tài sản.

Công ty có trụ sở chính tại Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Ngọc Thảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2019
Ông Hà Đình Minh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2019
Ông Bùi Quốc Bảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2019
Ông Đoàn Văn Quý	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2019
Ông Bùi Quang Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Thành Lương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2019

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2019
Bà Đoàn Thị Lan Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2019
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2019

Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 4 năm 2019, Công ty đã miễn nhiệm tất cả các thành viên Ban kiểm soát.

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Vinh	Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Văn Quý	Giám đốc Kỹ thuật	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2019
Ông Hà Tiến Lực	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Sửa chữa	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Bùi Quốc Bảo	Giám đốc sản xuất	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Quang Vinh.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Bùi Quang Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2019

Số tham chiếu: 61441291/21175593/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.


06  
TY  
+  
TOT  
AM  
ÁNI  
ỘI  
-T.S

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Lê Thị Tuyết Mai  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>683.859.987.761</b>	<b>445.471.214.323</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>113.190.313.556</b>	<b>41.951.375.039</b>
111	1. Tiền		7.660.313.556	18.251.375.039
112	2. Các khoản tương đương tiền		105.530.000.000	23.700.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>213.125.706.944</b>	<b>18.443.756.354</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	209.681.950.590	15.000.000.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	3.443.756.354	3.443.756.354
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>244.266.308.032</b>	<b>273.985.416.962</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	333.834.384.521	403.055.592.979
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	6.212.589.993	4.842.780.608
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	48.328.514.983	10.196.224.840
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(144.109.181.465)	(144.109.181.465)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>111.826.875.740</b>	<b>109.778.655.127</b>
141	1. Hàng tồn kho		111.888.965.229	109.840.744.616
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(62.089.489)	(62.089.489)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.450.783.489</b>	<b>1.312.010.841</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	463.574.592	400.728.962
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		420.116.491	-
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		567.092.406	911.281.879
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>414.134.643.052</b>	<b>429.194.536.348</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	<b>6.740.871.000</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	6.740.871.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>112.580.249.540</b>	<b>120.141.172.817</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	111.863.596.141	119.311.611.310
222	Nguyên giá		295.987.003.052	295.709.965.578
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(184.123.406.911)	(176.398.354.268)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	716.653.399	829.561.507
228	Nguyên giá		3.052.367.251	3.052.367.251
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.335.713.852)	(2.222.805.744)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
231	1. Nguyên giá		2.374.201.599	2.374.201.599
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(2.374.201.599)	(2.374.201.599)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>994.845.635</b>	<b>371.324.341</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		994.845.635	371.324.341
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>276.018.362.335</b>	<b>275.922.449.576</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		276.018.362.335	275.922.449.576
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>24.541.185.542</b>	<b>26.018.718.614</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	4.361.408.411	4.577.705.413
269	2. Lợi thế thương mại	15	20.179.777.131	21.441.013.201
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.097.994.630.813</b>	<b>874.665.750.671</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>413.684.396.727</b>	<b>230.110.573.405</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>409.494.397.933</b>	<b>223.727.445.591</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	72.807.609.477	71.801.393.150
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	4.510.597.546	3.225.473.439
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	814.743.965	6.825.927.010
314	4. Phải trả người lao động		5.053.894.889	10.330.190.088
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	6.980.496.373	2.384.953.087
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.307.325.103	2.200.781.851
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	3.564.566.512	3.268.747.756
320	8. Vay ngắn hạn	20	305.247.358.100	118.335.347.341
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	2.501.886.116	916.160.914
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	5.705.919.852	4.438.470.955
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4.189.998.794</b>	<b>6.383.127.814</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		50.000.000	50.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	21	4.139.998.794	6.333.127.814
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>684.310.234.086</b>	<b>644.555.177.266</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23</b>	<b>678.207.075.720</b>	<b>637.996.352.236</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		387.046.500.000	368.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		387.046.500.000	368.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.770.960.945	152.595.945
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		7.926.026.801	7.926.026.801
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.508.916.616	4.508.916.616
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		268.342.577.700	215.740.665.857
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		215.040.665.857	124.217.207.765
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		53.301.911.843	91.523.458.092
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		201.506.258	43.257.559.617
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>6.103.158.366</b>	<b>6.558.825.030</b>
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		6.103.158.366	6.558.825.030
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.097.994.630.813</b>	<b>874.665.750.671</b>

Ngô Văn Hải  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng

Bùi Quang Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	247.062.167.535	210.162.486.681
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(159.073.765)	(74.669.751)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	246.903.093.770	210.087.816.930
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(198.858.657.376)	(171.315.904.284)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.044.436.394	38.771.912.646
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	40.429.754.737	1.484.760.975
22	7. Chi phí tài chính	27	(10.303.142.304)	(20.489.485.389)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(9.818.359.154)	(3.622.496.768)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		95.912.759	28.473.017.738
25	9. Chi phí bán hàng	28	(11.167.178.574)	(4.535.767.412)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(24.669.316.498)	(14.050.684.869)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		42.430.466.514	29.653.753.689
31	12. Thu nhập khác	29	406.351.818	2.439.287.187
32	13. Chi phí khác	29	(49.316.543)	(449.935.788)
40	14. Lợi nhuận khác	29	357.035.275	1.989.351.399
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		42.787.501.789	31.643.105.088
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(1.576.778.305)	(780.065.216)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(300.000.000)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		40.910.723.484	30.863.039.872
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		40.868.765.522	30.805.131.213
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		41.957.962	57.908.659
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.090	834
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	34	1.090	834

Ngô Văn Hải  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Yến  
Kế toán trưởng

Bùi Quang Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019


Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>42.787.501.788</b>	<b>31.643.105.088</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		7.537.382.947	5.152.527.042
03	Các khoản dự phòng		(607.403.818)	13.669.540.282
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		4.536.727	49.435.353
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(40.521.871.259)	(30.134.468.704)
06	Chi phí lãi vay	27	9.818.359.154	3.622.496.768
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>19.018.505.539</b>	<b>24.002.635.829</b>
09	Giảm các khoản phải thu		77.903.767.597	14.009.140.471
10	(Tặng)/giảm hàng tồn kho		(2.048.220.613)	34.108.762.467
11	Giảm các khoản phải trả		(7.153.049.852)	(30.884.559.273)
12	Giảm chi phí trả trước		153.451.372	508.778.035
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(194.681.950.590)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.877.520.483)	(3.653.247.270)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.082.916.131)	(6.946.909.164)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.087.545.667	460.594.309
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.520.096.769)	(5.789.510.158)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(115.200.484.263)</b>	<b>25.815.685.246</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.055.647.628)	(2.068.460.237)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	370.600.000
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	27.450.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(9.000.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		587.596.376	1.801.248.752
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(468.051.252)</b>	<b>18.553.388.515</b>


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		342.229.212.197	161.812.801.640
34	Tiền trả nợ gốc vay		(155.317.201.438)	(187.784.912.235)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(866.400)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>186.912.010.759</b>	<b>(25.972.976.995)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ</b>		<b>71.243.475.244</b>	<b>18.396.096.766</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>41.951.375.039</b>	<b>57.352.948.855</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.536.727)	622.260
<b>70</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>5</b>	<b>113.190.313.556</b>	<b>75.749.667.881</b>

  
Ngô Văn Hải  
Người lập

  
Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng

  
Bùi Quang Vinh  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“Công ty”) tiền thân là Nhà máy Chế tạo Điện cơ được thành lập ngày 15 tháng 1 năm 1961. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 7 năm 2009. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 ngày 11 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại bao gồm thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; cho thuê tài sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 368 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 241 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty sở hữu trực tiếp 2 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3 công ty con) với thông tin cụ thể như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội (“Công ty Heco”)	99,82%	99,82%	Lô J12 (ABC), đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội (“Trường Hitech”)	100%	100%	Km12 – đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.6 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45 năm
Máy móc, thiết bị	7 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 12 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 - 6 năm

#### 3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

#### 3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định; và
- ▶ Các chi phí khác.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký vào năm 2001, có thời hạn 47 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

##### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

##### *Dự phòng bảo hành*

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa: là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hóa đã bán, đã bàn giao cho người mua nhưng doanh nghiệp vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc cam kết với khách hàng. Nhóm Công ty trích 1% dự phòng bảo hành sản phẩm trên doanh thu sản phẩm bán ra trong kỳ.

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)*

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.20 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất các sản phẩm và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

#### 3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. SÁP NHẬP CÔNG TY CON**

Vào ngày 11 tháng 4 năm 2019 (“ngày sáp nhập”), Công ty đã hoàn thành việc sáp nhập với Công ty Cổ phần Chế tạo điện máy Việt Nam - Hungari theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 04/2018/NQ-ĐHĐCĐ/HEM ngày 18 tháng 10 năm 2018 và Hợp đồng sáp nhập ngày 2 tháng 11 năm 2018, bằng việc phát hành thêm 1.904.650 cổ phiếu để hoán đổi với 3.809.300 cổ phiếu tương đương với 34,63% cổ phần trong Công ty Cổ phần Chế tạo điện máy Việt Nam – Hungari.

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Chế tạo điện máy Việt Nam - Hungari là sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Tiền mặt	96.997.080	330.268.403
Tiền gửi ngân hàng	7.563.316.476	17.921.106.636
Các khoản tương đương tiền (*)	105.530.000.000	23.700.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>113.190.313.556</b>	<b>41.951.375.039</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng thương mại, có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 1% đến 5,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5,5%/năm).

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**6.1 Chứng khoán kinh doanh**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ (*)</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ (*)</i>	<i>Dự phòng</i>
Trái phiếu (i)	209.681.950.590	209.681.950.590	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>209.681.950.590</b>	<b>209.681.950.590</b>	<b>-</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Chi tiết trái phiếu như sau:

<i>Tổ chức phát hành</i>	<i>Giá đầu tư (VND)</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường ECO&MORE	209.681.950.590	19 tháng 7 năm 2021	Kỳ hạn 3 năm, lãi nhận 6 tháng một lần, đáo hạn ngày 19 tháng 7 năm 2021	Lãi suất thả nổi không quá 10,5%/năm	Trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu, tài sản cố định nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba

(\*) Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản trái phiếu do trái phiếu của Nhóm Công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

**6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.443.756.354	3.443.756.354	3.443.756.354	3.443.756.354
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.443.756.354</b>	<b>3.443.756.354</b>	<b>3.443.756.354</b>	<b>3.443.756.354</b>

(i) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng bằng VND tại ngân hàng thương mại với lãi suất 6,5%/năm, đáo hạn vào ngày 30 tháng 9 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu từ khách hàng	<b>259.494.512.076</b>	<b>306.357.126.157</b>
- Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.283.046.487	106.283.046.487
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	17.960.800.000	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Việt	15.759.439.543	15.759.439.543
- Các khoản phải thu khách hàng khác	119.491.226.046	184.314.640.127
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	<u>74.339.872.445</u>	<u>96.698.466.822</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>333.834.384.521</u></b>	<b><u>403.055.592.979</u></b>

Dự phòng phải thu khó đòi (141.082.067.141) (141.082.067.141)

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Công ty TNHH ABB	2.122.352.100	2.122.352.100
Shaxxi JC Engineering and Trading Co., Ltd	1.059.896.873	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Điện Lực Hà Nội	-	1.532.127.388
Khác	<u>3.030.341.020</u>	<u>1.188.301.120</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.212.589.993</u></b>	<b><u>4.842.780.608</u></b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Đơn vị tính: VND			
	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	7.174.107.629	-	-	-
Phải thu Xí nghiệp Tư nhân đức Hải Đăng	3.027.114.324	(3.027.114.324)	3.027.114.324	(3.027.114.324)
Tạm ứng cổ tức	2.656.355.000	-	2.656.355.000	-
Phải thu tiền thuê đất chỉ hộ	1.012.033.125	-	1.012.033.125	-
Tạm ứng cho nhân viên	985.812.394	-	610.704.931	-
Phải thu khác	925.892.511	-	1.461.017.460	-
Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 32)	<u>32.547.200.000</u>	<u>-</u>	<u>1.429.000.000</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>48.328.514.983</u></b>	<b><u>(3.027.114.324)</u></b>	<b><u>10.196.224.840</u></b>	<b><u>(3.027.114.324)</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. NỢ XẤU**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.288.046.487	-	106.288.046.487	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Việt	15.759.439.543	-	15.759.439.543	-
Công ty TNHH Vật liệu điện Thiên Phong	14.095.503.040	-	14.095.503.040	-
Xí nghiệp Tư nhân Đúc Hải Đăng	3.123.214.730	-	3.123.214.730	-
Xí nghiệp Cơ khí Quang Trung	1.441.487.879	-	1.441.487.879	-
Các khoản khác	4.017.062.398	2.783.037.584	4.417.444.469	1.015.954.683
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>144.724.754.077</b>	<b>2.783.037.584</b>	<b>145.125.136.148</b>	<b>1.015.954.683</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	40.799.492.210	(62.089.489)	42.586.806.438	(62.089.489)
Công cụ, dụng cụ	758.046.618	-	838.602.877	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.778.980.670	-	26.691.704.183	-
Thành phẩm	27.612.088.640	-	35.295.811.648	-
Hàng hoá	7.940.357.091	-	4.427.819.470	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>111.888.965.229</b>	<b>(62.089.489)</b>	<b>109.840.744.616</b>	<b>(62.089.489)</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Số đầu kỳ	62.089.489	62.089.489
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>62.089.489</u>	<u>62.089.489</u>

## Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	95.479.952.240	167.859.799.076	30.027.861.627	2.342.352.635	295.709.965.578
- Mua trong kỳ	69.174.000	398.323.474	-	-	467.497.474
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(190.460.000)	-	(190.460.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	95.549.126.240	168.258.122.550	29.837.401.627	2.342.352.635	295.987.003.052
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	22.079.564.774	61.147.286.064	15.415.828.080	2.077.378.351	100.720.057.269
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	54.664.554.216	96.700.388.481	22.942.833.222	2.090.578.349	176.398.354.268
- Khấu hao trong kỳ	1.382.951.907	5.597.004.068	900.185.528	-	7.880.141.503
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(155.088.860)	-	(155.088.860)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	56.047.506.123	102.297.392.549	23.687.929.890	2.090.578.349	184.123.406.911
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	40.815.398.024	71.159.410.595	7.085.028.405	251.774.286	119.311.611.310
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	39.501.620.117	65.960.730.001	6.149.471.737	251.774.286	111.863.596.141

Một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc đã được thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

(\*) Nhóm Công ty đã cho thuê một số tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Đơn vị tính: VND Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>2.290.264.818</u>	<u>762.102.433</u>	<u>3.052.367.251</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>2.290.264.818</u>	<u>762.102.433</u>	<u>3.052.367.251</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>1.323.664.818</i>	<i>517.621.322</i>	<i>1.841.286.140</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>1.645.864.818</u>	<u>576.940.926</u>	<u>2.222.805.744</u>
- Hao mòn trong kỳ	<u>80.550.000</u>	<u>32.358.108</u>	<u>112.908.108</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>1.726.414.818</u>	<u>609.299.034</u>	<u>2.335.713.852</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>644.400.000</u>	<u>185.161.507</u>	<u>829.561.507</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>563.850.000</u>	<u>152.803.399</u>	<u>716.653.399</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019			Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD	35,00%	276.018.362.335	-	35,00%	275.922.449.576	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>276.018.362.335</b>	<b>-</b>		<b>275.922.449.576</b>	<b>-</b>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết này tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 như sau:

Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi năm 2015) với Giấy phép Đầu tư số 1018/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 25 tháng 10 năm 1994 và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 1018/GCNBC3-BKH ngày 23 tháng 8 năm 2006. Công ty này có trụ sở chính tại số 44B, đường Lý Thường Kiệt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng; vận hành máy trò chơi điện tử có thưởng trong khuôn viên khách sạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

*Đơn vị tính: VND*

*Công ty TNHH  
S.A.S – CTAMAD*

**Giá trị đầu tư:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	179.842.195.109
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	179.842.195.109

**Phản lũy kế lợi nhuận:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	96.080.254.467
Phản lợi nhuận từ công ty liên kết Cổ tức được chia trong kỳ	32.643.112.759 (32.547.200.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	96.176.167.226

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	275.922.449.576
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	276.018.362.335

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

*Ngày 30 tháng 6 năm 2019      Ngày 31 tháng 12 năm 2018*

**Ngắn hạn**

Công cụ, dụng cụ xuất dùng	131.723.151	222.243.487
Chi phí trả trước khác	331.851.441	178.485.475

**TỔNG CỘNG**

<b>463.574.592</b>	<b>400.728.962</b>
--------------------	--------------------

**Dài hạn**

Tiền thuê đất trả trước	1.997.111.548	2.041.110.244
Công cụ, dụng cụ	1.384.307.678	1.507.590.815
Chi phí sửa chữa	979.989.185	1.029.004.354

**TỔNG CỘNG**

<b>4.361.408.411</b>	<b>4.577.705.413</b>
----------------------	----------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Đơn vị tính: VND

Lợi thế thương  
mại từ hợp nhất  
Công ty VIHEM

**Nguyên giá:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 22.071.631.236  
- Tăng trong kỳ -

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 22.071.631.236

**Phân bổ lũy kế:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 630.618.035  
- Tăng trong kỳ 1.261.236.070

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 1.891.854.105

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 21.441.013.201

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 20.179.777.131

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**16.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	49.275.472.664	49.275.472.664	49.704.372.694	49.704.372.694
- Công ty TNHH Đầu tư Phúc Hưng Phát	19.863.659.200	19.863.659.200	-	-
- Công ty TNHH Ánh Dương	12.922.637.805	12.922.637.805	-	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thiết bị Điện TTC	-	-	22.614.618.180	22.614.618.180
- Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị Điện Việt Nam	-	-	6.679.557.500	6.679.557.500
- Công ty TNHH Shaanxi JC Engineering and Trading	-	-	4.114.137.692	4.114.137.692
- Phải trả đối tượng khác	16.489.175.659	16.489.175.659	16.296.059.322	16.296.059.322
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	<u>23.532.136.813</u>	<u>23.532.136.813</u>	<u>22.097.020.456</u>	<u>22.097.020.456</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>72.807.609.477</b></u>	<u><b>72.807.609.477</b></u>	<u><b>71.801.393.150</b></u>	<u><b>71.801.393.150</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Công ty Điện lực Quảng Ninh	2.054.350.912	-
Công ty Cổ phần TOMECO An Khang	-	1.500.000.000
Các đối tượng khác	2.456.246.634	1.725.473.439
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.510.597.546</b>	<b>3.225.473.439</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2019
Thuế giá trị gia tăng	2.794.673.890	6.902.383.663	(9.636.600.372)	60.457.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.916.946.034	1.576.778.305	(4.785.757.638)	707.966.701
Thuế thu nhập cá nhân	114.307.086	1.016.014.694	(1.084.001.697)	46.320.083
Thuế đất	-	3.430.760.563	(3.430.760.563)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.066.240	(4.066.240)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.825.927.010</b>	<b>12.930.003.465</b>	<b>(18.941.186.510)</b>	<b>814.743.965</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	6.879.339.324	893.393.976
Chi phí phải trả khác	101.157.049	1.491.559.111
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.980.496.373</b>	<b>2.384.953.087</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải trả Nhà nước kinh phí thực hiện Dự án sản phẩm động cơ	2.041.203.100	2.041.203.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.523.363.412	1.227.544.656
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.564.566.512</b>	<b>3.268.747.756</b>

## Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VAY NGẮN HẠN

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2018		Số phát sinh trong kỳ			Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
<b>Vay ngắn hạn</b>								
Vay ngân hàng	104.044.810.341	104.044.810.341	131.800.758.418	(137.142.611.438)	98.702.957.321	98.702.957.321		
Vay trái phiếu	-	-	199.622.777.779	-	199.622.777.779	199.622.777.779		
Vay từ đối tượng khác	14.290.537.000	14.290.537.000	10.805.676.000	(18.174.590.000)	6.921.623.000	6.921.623.000		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>118.335.347.341</b>	<b>118.335.347.341</b>	<b>342.229.212.197</b>	<b>(155.317.201.438)</b>	<b>305.247.358.100</b>	<b>305.247.358.100</b>		

### 20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn bằng VND được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	44.456.409.045 VND	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 13 tháng 9 năm 2019	6,0%-6,5%	Tài sản cố định: nhà máy, nhà xưởng theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 02/2018- BBĐGL/NHCT146-DIENCO ngày 1 tháng 7 năm 2018
Ngân hàng TNHH MTV Shinhhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	28.635.914.600	Kỳ hạn vay 3 - 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 8 năm 2019	5,7%-6,68%	Tin chấp
Ngân hàng CTBC Bank – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	19.533.127.331	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 25 tháng 9 năm 2019	6,0%-6,95%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương	6.077.506.345	Kỳ hạn vay 5 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 17 tháng 7 năm 2019	7,3%	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>98.702.957.321</b>			



## Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

#### 20.2 Trái phiếu phát hành

Chi tiết các khoản trái phiếu phát hành được trình bày như sau:

Đơn vị phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	150.000.000.000 VND	Kỳ hạn vay 1 năm. Lãi vay trả 6 tháng một lần. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 7 tháng 3 năm 2020	10,5%	Tài sản đảm bảo bao gồm nhưng không hạn chế ở 13.000.000 cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Thiết Bị Điện thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thiết Bị Điện GELEX
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	50.000.000.000 VND	Kỳ hạn vay 1 năm. Lãi vay trả 6 tháng một lần. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 7 tháng 3 năm 2020	10,5%	

Chi phí phát hành trái phiếu (377.222.221)

**TỔNG CỘNG 199.622.777.779**

#### 20.3 Các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác bằng VND được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Cán bộ công nhân viên Công ty	6.921.623.000 VND	Kỳ hạn lớn hơn 1 tháng, rút gốc linh hoạt	5,5%	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.921.623.000</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Dự phòng chi phí bảo hành	2.501.886.116	916.160.914
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.501.886.116</b>	<b>916.160.914</b>
<b>Dài hạn</b>		
Dự phòng chi phí bảo hành	4.139.998.794	6.333.127.814
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.139.998.794</b>	<b>6.333.127.814</b>

Dự phòng bảo hành được trích lập dựa trên các sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất và bán ra theo điều khoản hợp đồng và thời gian bảo hành cam kết với khách hàng (từ 5 tháng đến 6 năm).

**22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Số đầu kỳ	4.438.470.955	7.674.358.780
Trích quỹ trong kỳ	700.000.000	2.431.620.000
Nhận quỹ khen thưởng, phúc lợi từ công ty liên kết	1.681.065.666	-
Thu tiền khác	406.480.000	4.650.000
Sử dụng trong kỳ	<u>(1.520.096.769)</u>	<u>(5.494.100.650)</u>
Số cuối kỳ	<u>5.705.919.852</u>	<u>4.616.528.130</u>

## Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 23.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	7.926.026.801	-	181.551.913.159	9.035.521.784	565.076.645.089
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	30.805.131.213	57.908.659	30.863.039.872
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(54.966.555.000)	-	(54.966.555.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.431.620.000)	-	(2.431.620.000)
- Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	63.469.606	(9.063.469.606)	(9.000.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	7.926.026.801	-	155.022.338.978	29.960.837	529.541.509.961
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	7.926.026.801	4.508.916.616	215.740.665.857	43.257.559.617	637.996.352.236
- Tăng vốn do hoán đổi cổ phiếu (*)	19.046.500.000	11.618.365.000	-	-	-	-	-	30.664.865.000
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	40.868.765.522	41.957.962	40.910.723.484
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	-	(700.000.000)	-	(700.000.000)
- Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	12.433.146.321	(43.098.011.321)	(30.664.865.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	387.046.500.000	11.770.960.945	(1.589.412.600)	7.926.026.801	4.508.916.616	268.342.577.700	201.506.258	678.207.075.720

(\*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 số 04/2018/NQ-ĐHĐCĐ/HEM ngày 18 tháng 10 năm 2018, Công ty đã được thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu HEM để hoán đổi cổ phiếu VIHEM. Theo Công văn số 130/2019/CV-HEM, Công ty đã thông báo phát hành thành công 1.904.650 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) với tổng giá trị là 19.046.500.000 VND. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (16.100/cổ phiếu) và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.

(\*\*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 4 năm 2019, Công ty đã trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc, lợi với số tiền là 700 triệu VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019			Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty TNHH Thiết bị Điện Gelex	296.849.160.000	296.849.160.000	-	242.422.450.000	242.422.450.000	-
Cổ đồng khác	88.641.040.000	88.641.040.000	-	124.021.250.000	124.021.250.000	-
Cổ phiếu quỹ	1.556.300.000	1.556.300.000	-	1.556.300.000	1.556.300.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>387.046.500.000</b>	<b>387.046.500.000</b>	<b>-</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>-</b>

**23.3 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**Cổ tức đã công bố trong kỳ**

Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông

Cổ tức cho năm 2017: 1.500 VND/cổ phiếu - 54.966.555.000

**Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2019**

**57.823.528.500 -**

**23.4 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>38.704.650</b>	<b>387.046.500.000</b>	<b>36.800.000</b>	<b>368.000.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>38.704.650</b>	<b>387.046.500.000</b>	<b>36.800.000</b>	<b>368.000.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	38.704.650	387.046.500.000	36.800.000	368.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>155.631</b>	<b>1.589.412.600</b>	<b>155.630</b>	<b>1.589.412.600</b>
Cổ phiếu phổ thông	155.631	1.589.412.600	155.630	1.589.412.600
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>38.549.019</b>	<b>385.457.087.400</b>	<b>36.644.370</b>	<b>366.410.587.400</b>
Cổ phiếu phổ thông	38.549.019	385.457.087.400	36.644.370	366.410.587.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết Sàn Giao dịch Chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là HEM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.675,53	1.675,53

**25. DOANH THU**

**25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>247.062.167.535</b>	<b>210.162.486.681</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>96.951.283.809</i>	<i>115.344.903.573</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>98.141.680.169</i>	<i>60.540.546.156</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>51.969.203.557</i>	<i>34.277.036.952</i>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(159.073.765)</b>	<b>(74.669.751)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>246.903.093.770</b>	<b>210.087.816.930</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>205.506.825.905</i>	<i>174.942.797.567</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	<i>41.396.267.865</i>	<i>35.145.019.363</i>

**25.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	32.547.200.000	-
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.878.758.500	1.484.760.975
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.796.237	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.429.754.737</b>	<b>1.484.760.975</b>

(\*) Theo Nghị quyết số 01/2019-BOM ngày 8 tháng 6 năm 2019 của Công ty TNHH SAS-CTAMAD, Công ty đã được chia cổ tức với số tiền là 32.547.200.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	75.534.413.731	94.805.699.025
Giá vốn của hàng hóa đã bán	94.498.142.069	55.160.440.823
Giá vốn dịch vụ cung cấp	28.826.101.576	21.349.764.436
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>198.858.657.376</u></b>	<b><u>171.315.904.284</u></b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí lãi vay	9.818.359.154	3.622.496.768
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	160.671.103	147.346.018
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.778.601	84.972.603
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	16.634.670.000
Chi phí tài chính khác	317.333.446	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.303.142.304</u></b>	<b><u>20.489.485.389</u></b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	4.231.356.236	1.922.841.666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	176.398.868	93.884.844
Chi phí bảo hành	157.406.859	(3.804.121.143)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.403.317.926	3.013.822.476
Chi phí bán hàng khác	3.198.698.685	3.309.339.569
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.167.178.574</u></b>	<b><u>4.535.767.412</u></b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	12.576.035.203	4.738.097.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	726.127.679	603.411.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.903.450.489	1.887.670.451
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.463.703.127	6.821.505.848
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.669.316.498</u></b>	<b><u>14.050.684.869</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
<b>Thu nhập khác</b>		
Hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	1.289.304.810
Thu nhập khác	406.351.818	1.149.982.377
	<b>406.351.818</b>	<b>2.439.287.187</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản phạt	12.800.000	-
Chi phí khác	36.516.543	449.935.788
	<b>49.316.543</b>	<b>449.935.788</b>
<b>LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC</b>	<b>357.035.275</b>	<b>1.989.351.399</b>

**30. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.387.760.369	60.567.767.030
Chi phí nhân công	37.836.487.648	20.538.863.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.537.382.947	5.152.527.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.661.645.770	7.139.832.967
Chi phí khác	19.630.284.206	7.463.998.556
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>137.053.560.940</b>	<b>100.862.988.938</b>

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Ngoại trừ trường hợp của công ty con là Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội được áp dụng thuế suất là 10% trên thu nhập chịu thuế, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con khác là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**31.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.576.778.305	780.065.216
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	300.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.876.778.305</b>	<b>780.065.216</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**31.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.787.501.788	31.643.105.088
Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông áp dụng cho Công ty và các công ty con	8.451.564.874	6.308.708.971
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản phạt	2.789.081	-
Điều chỉnh TNDN năm 2018	4.688.218	
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận đối với lỗ tính thuế	-	134.144.683
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.528.622.500)	(5.694.603.548)
Lỗ năm trước chuyển sang	(432.850.782)	(19.912.046)
Chi phí không được khấu trừ khác	379.209.414	51.727.156
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>1.876.778.305</b>	<b>780.065.216</b>

**31.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**31.3 Lỗ chuyển sang từ năm trước**

Công ty Cổ phần Chế tạo điện máy Việt Nam – Hungari (trước ngày sáp nhập vào công ty), Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội và Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau kỳ phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội và Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội có khoản lỗ tính thuế lũy kế với tổng số tiền là 824.263.047 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, chi tiết như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế (*)</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
2017	2022	352.660.096	(199.120.462)	-	153.539.634
2018	2023	670.723.413	-	-	670.723.413
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.023.383.509</b>	<b>(199.120.462)</b>	<b>-</b>	<b>824.263.047</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**31.1 Lỗi chuyển sang từ năm trước** (tiếp theo)

(\*) Đây là khoản lỗ tính thuế ước tính của Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội và Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội và Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ cấp I	Mua vật tư, hàng hóa	12.037.943.020	9.522.265.386
		Mua dịch vụ	59.000.000	337.124.304
		Cổ tức phải trả	-	36.363.367.500
		Bù trừ công nợ	-	201.758.036
Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex	Công ty mẹ cấp II	Mua vật tư, hàng hóa	6.358.414.002	3.576.762.720
		Doanh thu bán hàng hóa	-	10.077.620.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng hóa	20.732.530.214	16.125.688.181
		Mua vật tư, hàng hóa	10.848.231.244	41.609.663.309
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.425.806.452	1.655.000.000
		Mua dịch vụ	1.528.323.254	781.485.000
		Bù trừ công nợ	-	4.614.500.000
Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD	Công ty liên kết	Cổ tức đã công bố	32.547.200.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Doanh thu bán hàng hóa	17.692.997.381	7.066.749.000
		Đã thu từ cung cấp hàng hóa	13.786.841.170	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Nhóm Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ các khoản vay) và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, Nhóm Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Nhóm Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i></b>				
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	47.737.570.167	41.427.251.617
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	26.602.302.278	55.271.215.205
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>74.339.872.445</u></b>	<b><u>96.698.466.822</u></b>
<b><i>Phải thu khác ngắn hạn (Thuyết minh số 8)</i></b>				
Công ty TNHH S.A.S. - CTAMAD	Công ty liên kết	Cổ tức công bố phải thu	32.547.200.000	-
Công ty cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Vay mượn vật tư	-	906.500.000
Công ty chứng khoán IB	Cùng thành viên HĐQT	Lãi trái phiếu	-	522.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>32.547.200.000</u></b>	<b><u>1.429.000.000</u></b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16.1)</i></b>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	13.746.649.947	16.008.733.100
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ cấp I	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	9.563.479.454	5.607.284.506
Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	153.258.292	417.224.674
Công ty TNHH Thiết bị Đo điện EMIC	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	68.749.120	59.843.520
Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex	Công ty mẹ cấp II	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	-	3.934.656
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>23.532.136.813</u></b>	<b><u>22.097.020.456</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Tổng thu nhập	2.130.916.573	1.339.503.540
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.130.916.573</b>	<b>1.339.503.540</b>

**33. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Đến 1 năm	5.251.562.500	6.297.090.417
Từ 1 – 5 năm	11.687.500.000	14.288.247.951
Trên 5 năm	-	102.295.082
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.939.062.500</b>	<b>20.687.633.450</b>

***Cam kết về thuê hoạt động***

Nhóm Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Nhóm Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Đến 1 năm	4.150.232.496	6.507.255.324
Từ 1 – 5 năm	16.600.929.984	22.922.917.240
Trên 5 năm	90.088.282.528	92.163.398.776
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>110.839.445.008</b>	<b>121.593.571.340</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	40.868.765.522	30.805.131.213
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(235.607.267)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>40.868.765.522</b>	<b>30.569.523.946</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.486.204	36.644.370
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>37.486.204</b>	<b>36.644.370</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
<i>Lãi cơ bản</i>	<i>1.090</i>	<i>834</i>
<i>Lãi suy giảm</i>	<i>1.090</i>	<i>834</i>

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 chưa được điều chỉnh cho trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ này từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Vào ngày 9 tháng 7 năm 2019, theo phê duyệt của Hội đồng Quản trị tại Thông báo số 471/TB-HĐQT, Công ty đã quyết định chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 57.823.528.500 VND.

Theo Quyết định số 15/2019/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 7 năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua phương án bán toàn bộ cổ phần tại Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội, công ty con của Công ty. Sau khi phương án thoái vốn được hoàn tất, Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội sẽ không còn là công ty con của Công ty.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

  
\_\_\_\_\_  
Ngô Văn Hải  
Người lập  
\_\_\_\_\_  
Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng  
\_\_\_\_\_  
Bùi Quang Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI  
HEM**

Số: 579/2019/CV-HEM  
V/v: Giải trình biến động  
lợi nhuận sau thuế trên  
báo cáo giữa niên độ năm 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

**Kính gửi:**

- Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM).
- Mã chứng khoán: HEM
- Địa chỉ: Km12 đường Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q.Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 0437655510 Fax: 0437655509
- E-mail: taichinhketoanhem@gmail.com

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trong báo cáo giữa niên độ năm 2019:

- Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ HEM ghi nhận lợi nhuận sau thuế trong 6 tháng đầu năm 2019 đạt 38,7 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm 2018 đạt 2,8 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do: Trong kỳ, HEM được chia lợi nhuận từ Công ty liên kết Công ty TNHH SAS-CTAMAD mà cùng kỳ năm 2018 không có khoản này. Đây cũng là lý do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019 Hợp nhất tăng trưởng 33% so với cùng kỳ năm 2018.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT



KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Nguyễn Thị Thanh Yến*